

Bản án số: 80/2024/HS-ST

Ngày: 26-6-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Minh Huyền và bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đỗ Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST - HS ngày 30 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/HSST - QĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Thị N, tên gọi khác: không; sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại huyện T, thành phố H; nơi cư trú: tổ S, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T và bà Đàm Thị Y; có chồng là Trần Văn S, có 03 con, con lớn nhất sinh xxxxx, con nhỏ nhất sinh năm xxxx; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày xx/xx/xxxx, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh (cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm), hiện tại ngoại, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trần Bá Đ, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Lý Thị T, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ T, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: ông Trần Văn S và anh Vũ Xuân T, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2023, N đã cho một số người quen vay tiền, thu lãi suất cao, bằng hai hình thức vay lãi năm và cầm cố tài sản. Vay lãi năm là khi vay tiền người vay phải trả lãi 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng và 4.500.000 đồng/50.000.000 đồng/tháng tương đương với lãi suất 120%/năm (gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự) và 108%/năm (gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Sau khi vay, đối với khoản vay theo tháng thì cứ vào ngày trùng của tháng sau, người vay phải trả tiền lãi. Nếu chậm ngày thì do quen biết, N không tính tiền lãi chậm trả. Cầm cố tài sản là N cho vay 10.000.000 đồng, để lại 01 xe máy, trong vòng 10 ngày phải trả đủ

tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. N cho vay bằng hình thức đưa trực tiếp tiền mặt và ghi thời gian và số tiền cho vay vào 01 cuốn sổ A4, rồi cho người vay ký tên phía dưới. Bằng cách đó, N đã cho anh Trần Bá Đ và chị Lý Thị T là hàng xóm vay. Cụ thể:

Khi có nhu cầu vay tiền, anh Đ sẽ liên lạc với N qua tài khoản Zalo có tên “bà N S” để trao đổi, thống nhất được số tiền vay, lãi suất vay. Sau đó, anh Đ sẽ qua nhà gặp N để nhận tiền vay. Tiền lãi hàng tháng anh Đ sẽ chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng T, số tài khoản xxxxxxxxxxxx mang tên Trần Bá Đ sang tài khoản ngân hàng V của N, số tài khoản xxxxxxxx mang tên Phạm Thị N. Còn chị Thúy đến gặp N trực tiếp vay và trả lãi hàng tháng. Những lần vay cụ thể như sau:

Ngày 26/01/2023, anh Đ vay N 12.000.000 đồng, lãi 1.200.000 đồng/tháng. Đến ngày 26/4/2023, N đã thu tổng số 3.600.000 đồng tiền lãi, thu lợi bất chính 3.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2023, anh Đ vay N thêm 13.000.000 đồng, cộng tiền vay lần 1 là 25.000.000 đồng, trả lãi 2.500.000 đồng/tháng. Ngày 26/5/2023, N thu của anh Đ 2.500.000 tiền lãi, thu lợi bất chính 2.083.333 đồng.

Ngày 27/5/2023, anh Đ vay thêm 15.000.000 đồng, cộng số tiền lần 1 + 2 là 40.000.000 đồng, trả lãi là 4.000.000 đồng/tháng. Ngày 27/6/2023, N thu của anh Đ 4.000.000 đồng tiền lãi, thu lợi bất chính 3.333.333 đồng.

Ngày 27/6/2023, anh Đ vay thêm N 10.000.000 đồng, cộng các lần vay trước là 50.000.000 đồng, trả lãi là 5.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 27/8/2023, anh Đ đã trả N 10.000.000 đồng tiền lãi, thu lợi bất chính 8.333.333 đồng.

Trong ngày 27/8/2023, anh Đ còn trả N 14.000.000 đồng tiền gốc, nhưng đến ngày 05/9/2023, anh Đ lại vay thêm 14.000.000 đồng nên N thỏa thuận với anh Đ: anh Đ vẫn phải trả tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng, vào ngày 27 hàng tháng, nhưng N bớt cho 500.000 đồng. Vậy, anh Đ phải trả tiền lãi 4.500.000 đồng/tháng. Đến ngày 18/12/2023, anh Đ đã trả N, tổng số 18.000.000 đồng tiền lãi, thu lợi bất chính 14.666.667 đồng. Hiện anh Đ chưa trả tiền gốc cho N.

Ngày 17/12/2023, anh Đ cầm cố 01 xe mô tô Honda Airblade để vay 10.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng/10 ngày, tương đương với lãi suất 365%/năm (gấp 18,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). N trừ luôn 1.000.000 đồng tiền lãi và đưa cho anh Đ 9.000.000 đồng. Đến ngày 20/12/2023, anh Đ nhờ bạn là anh Vũ Xuân T đến nhà trả N 10.000.000 đồng và lấy xe về, N thu lợi bất chính 945.205 đồng.

Ngày 11/5/2023, chị T vay N 5.000.000 đồng, tiền lãi phải trả hàng tháng là 500.000 đồng/tháng. Từ ngày 11/5/2023 - 03/11/2023, chị T đã trả N 3.000.000 đồng tiền lãi, N thu lợi bất chính 2.500.000 đồng.

Đến ngày 04/11/2023, chị T vay thêm N 5.000.000 đồng, cộng tiền gốc vay lần 1 là 10.000.000 đồng, tiền lãi trả hàng tháng là 1.000.000 đồng. Đến ngày 20/12/2023, Chị T đã trả N 2.000.000 đồng tiền lãi, N thu lợi bất chính 1.666.667 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Thị N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với anh Trần Bá Đ và chị Lý Thị T về số tiền vay, mục đích vay tiền, thời gian, địa điểm, lãi suất, hình thức, cách thức vay tiền và trả tiền phù hợp với số tiền đã trả, số tiền còn nợ, phù hợp với các giao dịch ngân hàng giữa N và anh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai, quan điểm thể hiện:

Anh Trần Bá Đ: anh vay của N 5 lần, tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng, đã trả 38.000.000 đồng, còn nợ lại 22.000.000 đồng; tổng tiền lãi đã trả là 39.100.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá quy định pháp luật là 32.361.871

đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật là 6.738.129 đồng. Anh có quan điểm đề nghị N trả lại cho anh tiền lãi vượt quá quy định pháp luật mà anh đã trả cho N.

Chị Lý Thị T: chị vay của N 2 lần, tổng số tiền gốc là 10.000.000 đồng, đã trả hết nợ gốc; tổng tiền lãi đã trả là 5.000.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá quy định pháp luật là 4.166.667 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật là 833.333 đồng. Chị có quan điểm đề nghị N trả lại cho chị tiền lãi vượt quá quy định pháp luật mà chị đã trả cho N.

Người làm chứng: ông Trần Văn S có lời khai thể hiện ông là chồng của Phạm Thị N, ông chứng kiến có một số người đến vay tiền của N, ông chỉ biết chị Lý Thị T, những người khác ông không biết là ai, ông không biết việc N cho vay lãi nặng. Anh Vũ Xuân T có lời khai thể hiện ngày 20/12/2023 anh Trần Bá Đ có nhờ anh đến nhà trả N 10.000.000 đồng và lấy xe mô tô Honda Airblade về, phù hợp với lời khai của anh Đ và bị cáo N.

Tại bản Cáo trạng số: 545/CT-VKSCP ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Thị N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát viện dẫn và truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị N từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: truy thu của bị cáo số tiền cho vay 38.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật 7.571.462 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; buộc anh Trần Bá Đ phải nộp lại tiền gốc đã vay của bị cáo nhưng chưa trả là 22.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Trần Bá Đ và chị Lý Thị T tiền lãi thu lợi bất chính là: của anh Trần Bá Đ 32.361.871.000 đồng; của chị Lý Thị T 4.166.667 đồng.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại thu giữ của bị cáo; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại di động.

Bị cáo Phạm Thị N không tranh luận, tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp: biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã được làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: từ ngày 26/01/2023 đến ngày 18/12/2023, Phạm Thị N đã cho anh Trần Bá Đ và chị Lý Thị T vay lãi nặng với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất từ 108%/năm đến 365%/năm, thu lợi bất chính 36.528.538 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng số 545/CT-VKSCP ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, tạo nên nhiều bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do muốn thu lợi bất chính nên vẫn cố ý thực hiện, do vậy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tiền thật nghiêm trước pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện ra đầu thú, là người cao tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: bị cáo là người cao tuổi, bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp đối với bị cáo:

- Về số tiền bị cáo cho vay (nợ gốc): căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai bị cáo thể hiện: từ ngày 26/01/2023 đến ngày 18/12/2023, N đã cho anh Trần Bá Đ và chị Lý Thị T vay lãi nặng với tổng số tiền gốc là 70.000.000 đồng, lãi suất từ 108%/năm đến 365%/năm, thu lợi bất chính 36.528.538 đồng, trong đó:

Số nợ gốc anh Đ vay của N là 60.000.000 đồng, anh Đ trình bày đã đến gặp và trả bị cáo 38.000.000 đồng, bị cáo cũng thừa nhận việc này nên số tiền nợ gốc anh Đ còn nợ lại là 22.000.000 đồng. Chị T vay nợ gốc 10.000.000 đồng, hiện đã trả đủ số tiền này cho N. Số tiền cho vay (nợ gốc) được xác định là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội, nên cần buộc bị cáo phải nộp lại 48.000.0000 đồng; anh Đ phải nộp lại 22.000.000 đồng, để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Về số tiền lãi: căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, có thể xác định:

Tiền lãi bị cáo N đã thu được của anh Đ, chị T như sau: 39.100.000 đồng của anh Đ + 5.000.000 đồng của chị T = 44.100.000 đồng, trong đó:

+ Tiền lãi trong phạm vi quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự là: 7.571.462 đồng. Đây là khoản tiền bị cáo N có được thông qua việc thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là: 36.528.538 đồng, trong đó bị cáo thu của anh Đ 32.361.871 đồng; thu của chị T 4.116.667 đồng. Đây là khoản

tiền mà bị cáo N thu lợi bất chính của anh Dương, chị T; anh Đ, chị T cũng có quan điểm yêu cầu bị cáo trả lại tiền lãi thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo trả lại cho anh Đ, chị T số tiền trên.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 9C, màu xanh, bị cáo giao dịch cho vay lãi nặng, dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: bị cáo là người cao tuổi và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí, nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Liên quan trong vụ án:

Quá trình điều tra xác định N còn cho các chị Bùi Thị Y, Đỗ Thị M, Đinh Thị H, Lê Văn H, Nguyễn Thị T, Phạm Thị Bích H vay với lãi suất dưới 100%/năm, hành vi đó không cấu thành tội phạm Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; còn những người vay khác do không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không đủ căn cứ xác định.

Đối với 01 đĩa DVD-R lưu trữ nội dung ghi hình có âm thanh lời khai của Phạm Thị N ngày 27/02/2024; 01 sổ tay kích thước (13x9) cm, bên trong có 08 trang viết các chữ số, ký tự; 01 cuốn sổ A4, bìa giả da màu đen, bên trong có 62 trang viết các chữ số, ký tự (không đánh số bút lục). Xét thấy nội dung trong đĩa DVD-R và 02 cuốn sổ là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Thị N phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị N 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Căn cứ vào: điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Phạm Thị N phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi nặng 48.000.000 đồng và số tiền lãi 7.571.462 đồng, tổng cộng 55.571.462đ (*năm mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*); buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Bá Đ phải nộp lại số tiền nợ gốc chưa trả 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*), để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Thị N phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền đã thu lợi bất chính: anh Trần Bá Đ 32.361.871.000đ (*ba mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi một đồng*); chị Lý Thị T là 4.166.667đ (*bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 9C, màu xanh (điện thoại thu giữ của Phạm Thị N). Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) chiếc sim (không xác định số sim) trên sim có 4 dãy số: 89840, 20001, 11094, 84087 thu giữ của Phạm Thị N.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 118/BB-THA, ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

Căn cứ vào: điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Thị N.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, CCTHADS thành phố C;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- CQCSĐT, CQTHAHS CA thành phố C;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thu Đông

